

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THANH HOÁ
Địa chỉ: Số 25A Quang Trung – Thành phố Thanh Hóa
Điện thoại: 0373.852.517 – Fax: 0373.853.963

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY
CỔ PHẦN DU LỊCH THANH HÓA**

(Sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên
ngày 26/02/2011)

Thanh Hóa, tháng 2 năm 2011

MỤC LỤC

BẢN SAO

Phần mở đầu

Chương I: Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ.

Điều 1: Các định nghĩa

Chương II: Tên, địa chỉ, thời hạn hoạt động của Công ty.

Điều 2: Tên, địa chỉ, thời hạn hoạt động của Công ty.

Chương III: Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.

Điều 3: Mục tiêu của Công ty.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

Chương IV: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.

Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu.

Điều 7: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 8: Thu hồi cổ phần.

Chương V: Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát

Điều 9: Cơ cấu tổ chức quản lý

Chương VI: Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10: Quyền hạn của cổ đông Công ty

Điều 11: Nghĩa vụ của các cổ đông

Điều 12: Sổ đăng ký cổ đông

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông

Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 15: Các đại diện được uỷ quyền

Điều 16: Thay đổi các quyền.

Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo.

Điều 18: Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.

Chương VII: Hội đồng Quản trị

Điều 19: Thành phần và nhiệm kỳ.

Điều 20: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

Điều 21: Chủ tịch, phó chủ tịch HĐQT

Điều 22: Các cuộc họp HĐQT

Chương VIII: Giám đốc điều hành, những cán bộ quản lý khác và thư ký Công ty

Điều 23: Tổ chức bộ máy quản lý.

Điều 24: Cán bộ quản lý.

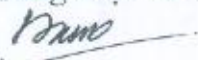
Điều 25: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, trách nhiệm và quyền hạn của Giám đốc điều hành.

Điều 26: Thư ký Công ty.

Chương IX: Nhiệm vụ được uỷ thác của thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.

Điều 27: Trách nhiệm căn trọng của các thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.

Điều 28: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

Điều 29: Trách nhiệm 

Chương X:Ban kiểm soát

Điều 30: Bổ nhiệm Ban kiểm soát.

Chương XI:Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ của Công ty.

Điều 31: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ của Công ty.

**Chương XII:Tổ chức Đảng CSVN và các tổ chức chính trị xã hội khác;
Người lao động và Công đoàn.**

Điều 32: Tổ chức Đảng CSVN và các tổ chức chính trị xã hội khác; Người lao động và Công đoàn.

Chương XIII:Phân chia lợi nhuận:

Điều 33: Cổ tức

Chương XIV:Tài khoản ngân hàng, quỹ dự trữ, năm tài chính và hệ thống kế toán.

Điều 34: Tài khoản ngân hàng.

Điều 35: Quỹ dự trữ.

Điều 36: Năm tài chính

Điều 37: Hệ thống kế toán.

Chương XV:Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin và thông báo ra công chúng.

Điều 38: Báo cáo thường niên, sáu tháng, hàng quý.

Điều 39: Công bố thông tin.

Chương XVI:Kiểm toán của Công ty

Điều 40: Kiểm toán

Chương XVII:Con dấu

Điều 41: Con dấu

Chương XVIII:Chấm dứt hoạt động và thanh lý.

Điều 42: Chấm dứt hoạt động.

Điều 43: Gia hạn hoạt động.

Điều 44: Thanh lý

Chương XIX:Giải quyết tranh chấp nội bộ

Điều 45: Giải quyết tranh chấp nội bộ

Chương XX:sửa đổi điều lệ

Điều 46: Bổ sung và sửa đổi điều lệ

Chương XXI:Ngày hiệu lực

Điều 47: Ngày hiệu lực

Điều 48: Chữ ký



PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp được kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá XI Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty cổ phần niêm yết chứng khoán theo quyết định số 07/2002/QĐ- VPCP ngày 19/11/2002 của Văn phòng Chính phủ;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung của Công ty CP du lịch Thanh Hoá được Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 09.6.2007;
- Chúng tôi những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty cổ phần Du lịch Thanh Hoá đã nhất trí tham gia nội dung sửa đổi bổ sung bản Điều lệ này và cùng nhau cam kết thực hiện. Bản điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Chương I- ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Các định nghĩa:

1. "Hội đồng Quản trị" của Công ty viết tắt là "HĐQT"
2. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
3. "Vốn điều lệ" có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại điều 5 Điều lệ này.
4. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
5. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
6. "Cán bộ quản lý" có nghĩa là Giám đốc điều hành, phó Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các cán bộ khác được HĐQT chỉ định làm cán bộ quản lý của Công ty.
7. "Cổ đông" có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.

Chương II- TÊN, ĐỊA CHỈ, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, địa chỉ, thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng việt là: "Công ty cổ phần Du Lịch Thanh Hoá"
2. Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh là " Thanh hoa Tourist Joint Stock company" *Nam*

3. Tên giao dịch của Công ty là: Công ty cổ phần du lịch Thanh Hoá.
4. Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.
5. Trụ sở đăng ký của Công ty: địa chỉ 25A đường Quang Trung – phường Ngọc Trạo - Thành phố Thanh Hoá.
6. Điện thoại: 037. 855.553
7. FAX: 037. 853.963
8. E-mail: dulichth@hn.vnn.vn
9. Website: www.thanhhoatourist.com.vn
10. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.
11. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật cho phép.
12. Thời hạn hoạt động là 30 năm kể từ khi Công ty được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 điều 42 và gia hạn hoạt động theo điều 43 của Điều lệ này.

Chương III - MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu của Công ty:

Được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất, kinh doanh hàng hoá và các dịch vụ như: Du lịch, khách sạn, ăn uống, vận tải khách và các dịch vụ bổ trợ khác, xuất khẩu trực tiếp lao động, vật tư, thiết bị, nông lâm hải sản...,ữ hành trong nước và Quốc tế, kinh doanh thương mại và các lĩnh vực SXKD khác nhằm mục tiêu thu được lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà HĐQT xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

Chương IV- VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau, giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty phát hành gọi là cổ phiếu, số tiền ghi trên cổ phiếu là giá trị cổ phiếu của cổ đông mua

cổ phần. Có hai loại cổ phiếu là cổ phiếu ghi tên và cổ phiếu không ghi tên. Cổ phiếu ghi tên là cổ phiếu thuộc các chủ sở hữu là Nhà nước, thành viên HĐQT, người lao động nghèo trong Công ty được mua với giá ưu đãi trả dần trong mười năm không phải chịu lãi suất. Cổ phiếu không ghi tên là cổ phiếu thuộc các đối tượng khác.

- Phát hành mới cổ phiếu và nguyên tắc phân phối: thực hiện theo khoản 2 điều 87 luật doanh nghiệp.
- 2. Tại thời điểm thành lập Công ty vốn điều lệ là 12.000.000.000 VNĐ (Mười hai tỷ đồng).
- 3. Vào ngày thông qua điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là: 12.000.000.000 VNĐ (Mười hai tỷ đồng) VNĐ.
- Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.200.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.
- 4. Công ty có thể tăng vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- 5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông/nhóm cổ đông tham gia thông qua Điều lệ đầu tiên của Công ty, là thành viên sáng lập Công ty CP du lịch Thanh Hoá. Cổ đông sáng lập có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của luật doanh nghiệp.
- 7. Không được sử dụng vốn điều lệ chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác)
- 8. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
 - c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổ số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - d) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong trường hợp đó do điều lệ công ty quy định.
- 9. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây: *nam*

- a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
- b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành.
- c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
- d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng thời hạn thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận được ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.
10. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 điều 86 của luật doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
11. Sau khi cổ phần được bán, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 điều 86 của luật này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng minh thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông trong công ty đó.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu: Theo điều 85 Luật Doanh nghiệp

Điều 7. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và luật pháp có quy định khác. Cổ đông muốn mua, bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại văn phòng thường trực HĐQT Công ty.
2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải được sự chấp thuận của HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn của các cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần. HĐQT xem xét xử lý việc chuyển nhượng. Trường hợp không chấp thuận cho việc chuyển nhượng cổ phần, HĐQT thông báo rõ lý do cho các cổ đông.

3. Trừ khi HĐQT có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phần ghi danh đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng uỷ quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội đồng cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
4. HĐQT hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.
5. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải toả tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.
6. Cổ đông của Công ty không được dùng cổ phiếu của mình vào việc thế chấp, cầm cố hay bảo lãnh cho bất cứ trường hợp nào.

Điều 8. Thu hồi cổ phần

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần thì HĐQT có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.
 - Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
2. Nếu các yêu cầu của thông báo trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi số cổ phần đã được đề cập trong thông báo. Việc thu hồi sẽ bao gồm cả cổ tức được công bố đối với số cổ phần bị thu hồi vốn mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.
 - Cổ đông nắm giữ số cổ phần bị thu hồi sẽ mất tư cách cổ đông của Công ty nhưng phải chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phát sinh liên quan tới số cổ phần đó trước thời điểm thu hồi.
3. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.
4. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V- CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. HĐQT
3. Giám đốc điều hành
4. Ban kiểm soát.

Chương VI- CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông công ty:

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã thanh toán đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc tiền mua cổ phần của các cổ đông.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền.
 - b) Được nhận cổ tức với mức theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và luật pháp.
 - d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỉ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.
 - e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
 - f) Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỉ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi.
 - g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong điều 90 của Luật doanh nghiệp.
 - h) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật
3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên, có các quyền sau:
 - a) Đề cử thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các điều 19 điểm 3 và điều 30 điểm 1i của Điều lệ này.
 - b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo khoản 3 điều 79 luật doanh nghiệp. *Nam*

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và luật pháp quy định.

Điều 11. Nghĩa vụ của các cổ đông

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ điều lệ và các quy chế điều hành; các quyết định của HĐQT và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định.
3. Chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với số cổ phần mình sở hữu và chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình.
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định.

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy đăng ký kinh doanh, Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

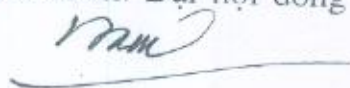
Sổ đăng ký cổ đông phải có nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

Điều 13. Đại hội Đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Phải họp trong thời gian 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do HĐQT triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở tại Việt nam do HĐQT quyết định từng thời điểm. Đại hội đồng cổ



đồng thường niên quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt Đại hội sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và Ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

3. HĐQT phải triệu tập cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo Kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ đã mất một nửa.
- c) Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà Luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ.
- d) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều 10 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích của cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan.
- e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

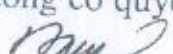
4. Triệu tập ĐH cổ đông bất thường

- a) HĐQT phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm 3d hoặc 3e điều này.
- b) Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên, Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp các cổ đông.
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại khoản 3d của điều này có thể triệu tập cuộc họp các cổ đông.
- d) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này sẽ không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

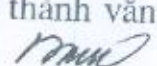
1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính hàng năm.
- b) Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình của Công ty
- c) Báo cáo của HĐQT.
- d) Báo cáo của ban Kiểm toán (nếu có).
- e) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần
- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra quyết định bằng cách thông qua Nghị quyết các vấn đề sau: 

- a) Phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm.
 - b) Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Số lượng thành viên HĐQT.
 - d) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.
 - e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT.
 - f) Bổ sung và sửa đổi điều lệ.
 - g) Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty tổ chức lại và giải thể (thanh lý).
 - h) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây ra thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
 - i) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hoạt động và giao dịch khác có giá trị từ 50% trên tổng giá trị tài sản của Công ty trở lên tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất (theo khoản 3 điều 120 luật doanh nghiệp).
 - j) Công ty mua lại hơn 10% cổ phần hoặc cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành.
 - k) Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc điều hành Công ty.
 - l) HĐQT Công ty chấp thuận các hợp đồng và giao dịch với những người được quy định tại khoản 2 điều 120 của Luật doanh nghiệp với giá trị tương ứng nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ kế toán; và các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua các vấn đề sau :
- a) Các hợp đồng quy định tại điều 14 điểm 2 Điều lệ này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
 - b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.
4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các Nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.
5. Các quyền khác được quy định tại điều lệ này và luật doanh nghiệp.

Điều 15. Các đại diện được uỷ quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản 3 Điều 96 Luật doanh nghiệp thì uỷ quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định tại đây: 

- a) Trường hợp cổ đông là cá nhân : là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền;
 - b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc uỷ quyền;
 - c) Thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền bị huỷ bỏ
4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất là hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ đông đã chuyển nhượng.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Với sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại điều 13 điểm 2, khi vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật Doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc có thể huỷ bỏ với sự nhất trí của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó hoặc với nghị quyết được thông qua bởi những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt tại cuộc họp của riêng những người nắm giữ loại cổ phần đó.
2. Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành (nhưng tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và bất kỳ người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó. *YAM*

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại điều 18 của Điều lệ.
4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng hạng.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo

1. HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Điều 13 điểm 4 mục b hoặc Điều 13 điểm 4 mục c tại Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty.
 - b) Xác định thời gian và địa điểm Đại hội.
 - c) Thông báo cho tất cả các cổ đông về chương trình Đại hội và gửi thông báo Đại hội cho họ.
3. Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu Cổ đông đã thông báo cho công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp Cổ đông là người làm việc trong công ty thì thông báo có thể gửi tận tay tại nơi họ làm việc. Thông báo phải được gửi ít nhất 7 ngày làm việc trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 10 điểm 3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của điều này nếu:
 - a) Đề xuất không gửi đúng kỳ hạn.
 - b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên.
 - c) Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết. *Nam*

d) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.

6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải dự thảo một nghị quyết.

7. Nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại đại hội đồng cổ đông thì những nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

8. Các quyền khác với điều lệ này được áp dụng luật doanh nghiệp.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì, hoặc nếu Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó chủ tịch HĐQT hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên HĐQT thành viên hội đồng có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra chủ tọa của Đại hội, chủ tọa không nhất thiết là thành viên HĐQT. Chủ tịch, phó chủ tịch hoặc chủ tọa được bầu của Đại hội đề cử đoàn thư ký để lập biên bản Đại hội. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sát nhập, tái tổ chức và giải thể công ty, đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong các báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được thông qua bởi từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Đại hội đồng cổ đông là hợp lệ khi có ít nhất 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết tham dự. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một đại hội đồng cổ đông lần thứ 3 có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong đại hội lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền nào tham dự cũng

Mina

đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

5. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết.
6. Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm phải dừng Đại hội đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
7. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
8. HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông muốn tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà HĐQT cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, HĐQT có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một cổ đông nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên và không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa ra khỏi đại hội.
9. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Chương VII- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số thành viên HĐQT là 3 người. Mỗi thành viên HĐQT có nhiệm kỳ tối đa là 5 năm và có thể bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Khi bầu các thành viên HĐQT, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất 1/3 số thành viên phải được bầu hoặc bầu lại tại mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên. Ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập không điều hành.
2. Thành viên HĐQT là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số CP phổ thông hoặc người đại diện hợp pháp sở hữu và đại diện sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên. Thành viên HĐQT phải có trình độ học vấn Đại học phù hợp với ngành nghề hoặc qua các lớp bồi dưỡng chuyên ngành có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp.
3. Thành viên của HĐQT do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông với điều kiện sau: *Phan*

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần trở lên có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử một người để bầu vào HĐQT.
 - b) Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên HĐQT. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử một thành viên để bầu vào HĐQT; Nếu chiếm từ 30% đến dưới 50% thì họ được đề cử 2 thành viên; Nếu từ 50% đến dưới 70% thì họ được đề cử 3 thành viên và nếu từ 70% trở lên thì họ được đề cử 4 thành viên.
4. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
- a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định tại điều 110 Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT.
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
 - c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi.
 - d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã quyết định là chức vụ của người này bị bỏ trống.
 - e) Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
5. HĐQT có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ tiếp sau đó. Ngay sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Thành viên HĐQT được chỉ định để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT thì vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại đại hội thường niên tiếp theo.

Điều 20. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT.

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên HĐQT không được chuyển nhượng cổ phần của Công ty do họ sở hữu trong suốt thời gian đương nhiệm trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận.
2. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác.

3. Quyền và Nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.
- b) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- c) Bổ nhiệm và bãi miễn các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ.
- d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty.
- e) Thực hiện các khiếu nại của Công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó.
- f) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại.
- g) Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước.
- h) Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi.
- i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc điều hành hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người Đại diện nào của Công ty nếu HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, (nếu có).
- j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức.
- k) Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

- a) Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty.
- b) Việc thành lập các Công ty con của Công ty.
- c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 điều 108 của luật Doanh nghiệp, HĐQT quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua bán, xuất nhập, thầu tóm Công ty và liên doanh) trừ trường hợp được quy định tại Điều 120 Luật doanh nghiệp đều phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- d) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty.
- e) Việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.
- f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch hàng năm. *Mun*

- g) Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay ở nước ngoài.
- h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.
- i) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại.
- j) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- k) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. HĐQT phải báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của HĐQT, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.
6. Các thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT.
7. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không), hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
8. Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT.

Điều 21. Chủ tịch, phó chủ tịch HĐQT

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một phó Chủ tịch.
2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập, chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của HĐQT, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch HĐQT phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo Kiểm toán của Kiểm toán viên (nếu có) và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. *V. Tran*

4. Khi Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 22. Các cuộc họp HĐQT

1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 5 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần
2. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đơn vị sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a) Giám đốc điều hành hoặc ít nhất 5 cán bộ quản lý.
 - b) Hai thành viên HĐQT.
 - c) Chủ tịch HĐQT.
 - d) Đa số thành viên trong Ban kiểm soát.
3. Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong vòng hai tuần sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 2 điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.
4. Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
5. Địa điểm họp do Chủ tịch HĐQT quyết định và sự nhất trí của HĐQT
6. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên HĐQT trước 5 ngày. Thông báo về cuộc họp HĐQT sẽ thông báo bằng tiếng Việt và phải thông báo cả chương trình họp, thời gian và địa điểm họp phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng.
7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất hai phần ba số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp.
8. Biểu quyết:
 - a) Trừ quy định tại mục 8b điều này, mỗi thành viên HĐQT có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b) Một thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà các thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

- c) Bất kỳ thành viên HĐQT nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 120 của luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
9. Biểu quyết đa số HĐQT thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.
10. Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả các thành viên HĐQT sau đây:
- a) Những thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp HĐQT.
 - b) Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp HĐQT.
11. Biên bản cuộc họp: Biên bản sẽ được chuyển cho các thành viên HĐQT và được các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp ký xác nhận.
12. Những người được mời họp dự thính: Giám đốc điều hành, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên HĐQT.

Chương VIII

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 23. Tổ chức bộ máy quản lý:

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Giám đốc điều hành hoặc một số Phó Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 24. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và sự chấp thuận của HĐQT, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do HĐQT quyết định tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành sẽ phải do HĐQT quyết định và hợp đồng của những cán bộ quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.

Điều 25. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, trách nhiệm và quyền hạn của Giám đốc điều hành.

1. Bổ nhiệm: HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. *Tram*

2. Nhiệm kỳ : Giám đốc điều hành có nhiệm kỳ là 3 năm trừ khi HĐQT có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện.
3. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc, phó Giám đốc:
- Giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi dân sự, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
 - Là cá nhân sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ của công ty hoặc là người có trình độ đại học trở lên, có năng lực kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh, hoặc ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty. Am hiểu pháp luật, tận tụy mẫn cán với công việc, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ đảm đương nhiệm vụ.
 - Giám đốc công ty không được đồng thời làm giám đốc của doanh nghiệp khác
4. Quyền hạn và nhiệm vụ: Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính, dự án đầu tư, vay vốn, cho vay và thương mại $\leq 10\%$ tổng giá trị tài sản của báo cáo tài chính của công ty gần nhất. Tổ chức và điều hành hoạt động SXKD thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
 - Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do HĐQT đề xuất và tư vấn cho HĐQT để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động cán bộ quản lý.
 - Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.
 - Vào ngày 31/11 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.
 - Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua.
 - Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
 - Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm sẽ phải được trình cho HĐQT để

thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

- i) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành với công ty.
 - j) Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành theo quy định của điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Giám đốc điều hành trong trường hợp Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT) và bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế. Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Điều 26. Thư ký công ty

HĐQT sẽ chỉ định một thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm một thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định Pháp luật về lao động hiện hành. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Công ty bao gồm:

- a) Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc Ban Kiểm soát.
- b) Làm biên bản các cuộc họp.
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
- d) Cung cấp thông tin cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định.

Chương IX

NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 27. Trách nhiệm cẩn trọng của các thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.

Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 28. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty, đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

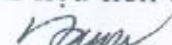
2. Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành, cán bộ Quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Theo Điều 120 của Luật doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty và một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc bất kỳ Công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên, hoặc có liên quan đến lợi ích tài chính sẽ không bị vô hiệu hoá chỉ vì mối quan hệ được nêu hoặc chỉ vì thành viên HĐQT đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan vào HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a) Đối với Hợp đồng có giá trị từ >10% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty trở xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan, hoặc
 - b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực.
 - c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
5. Không một thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 29. Trách nhiệm thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý: có trách nhiệm hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của

mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Chương X- BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Ban Kiểm Soát

1. Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên, gồm một trưởng ban chuyên trách hoặc không chuyên trách và hai thành viên kiêm nhiệm. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại điều 123 và 126 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a) Được HĐQT tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán độc lập và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập.
 - b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
 - c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia về những chuyên gia bên ngoài của Công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết.
 - d) Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT.
 - e) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà Kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
 - f) Xem xét thư quản lý của Kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty.
 - g) Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận.
 - h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
 - i) Bầu ban kiểm soát:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần trở lên có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền ứng cử hoặc đề cử một người vào Ban kiểm soát.
 - Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 6 tháng liên tục trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Ban kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử 1 người, nếu từ 30 đến dưới 50% họ được quyền đề cử 2 người, từ 50% đến dưới 70% được đề cử 3 người và trên 70% được đề cử 4 người.
2. Thành viên của HĐQT, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. 

3. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên trong đó có một thành viên có nghiệp vụ chuyên môn về kế toán. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên ban kiểm soát theo điều 122 luật doanh nghiệp. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên trong số họ làm trưởng ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là trưởng Ban kiểm soát.
 - b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát.
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
5. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ tối đa 5 năm và có thể được bầu lại vào kỳ Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Khi bầu Ban kiểm soát, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba số thành viên Ban kiểm soát phải được bầu mới hoặc bầu lại vào mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên.
6. Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát.
 - b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty.
 - c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi.
 - d) Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 6 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

Chương XI- QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA CÔNG TY

Điều 31. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ của Công ty.

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
2. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm

soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính.

3. Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản điều lệ miễn phí. Nếu công ty có một Website, điều lệ này phải được đưa lên Website đó.

Chương XII- TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC; NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 32. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác; người lao động và công đoàn:

1. Tổ chức Đảng Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác: Tổ chức Đảng Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, hội Cựu chiến binh... trong Công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật của nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty cổ phần du lịch Thanh Hoá tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mình.
2. Công nhân viên và công đoàn: Giám đốc điều hành sẽ phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.

Chương XIII- PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 33. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty
3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (cổ tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan đến một cổ phiếu.
5. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. *Đam*

- Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Chương XIV-TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 34. Tài khoản ngân hàng

- Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt nam hoặc các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt nam.
- Theo sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản Ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của Pháp luật, nếu cần thiết. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt nam hoặc ngoại tệ tại các Ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 35. Quỹ dự trữ.

- Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Các quỹ khác do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

Điều 36. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào 31/12 hàng năm.

Điều 37. Hệ thống kế toán

- Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống Kế toán Việt nam.
- Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- Công ty sử dụng Đồng Việt nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong Kế toán. *Nam*

**Chương XV- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ
THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.**

Điều 38. Báo cáo thường niên, sáu tháng, hàng quý

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật và được Kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán và Ban kiểm soát của công ty xác nhận cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động SXKD phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một Bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một Công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.

Điều 39. Công bố thông tin

Các báo cáo tài chính hàng năm nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

Chương XVI- KIỂM TOÁN CỦA CÔNG TY

Điều 40. Kiểm toán

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi Báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty Kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và Báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm

Chương XVII- CON DẤU

Điều 41. Con dấu

1. HĐQT sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật.
2. HĐQT, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Chương XVIII- CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 42. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn.
 - b) Toà tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - c) Giải thể trước thời hạn theo quy định của Đại hội đồng cổ đông. *(Handwritten signature)*

d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội cổ đông quyết định.

Điều 43. Gia hạn hoạt động:

1. HĐQT sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (7) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của HĐQT.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.

Điều 44. Thanh lý

1. Ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 3 thành viên. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Ban thanh lý thay mặt công ty trong các trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước toà án và các cơ quan hành chính.

Chương XIX- GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 45. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác giữa giữa cổ đông với Công ty, hoặc giữa cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý. Thì các bên cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải.
2. Nếu không có quyết định hoà giải, thì bất cứ bên nào cũng có thể đưa ra pháp luật theo luật định. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình trong quá trình thương lượng, hoà giải. Chi phí của toà án do toà án quyết định bên nào phải chịu.

Chương XX- BỔ SUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 46. Bổ sung và sửa đổi điều lệ.

Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Chương XXI- NGÀY HIỆU LỰC

Điều 47. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 48 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên nhất trí thông qua ngày 26 tháng 02 năm 2011 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. *Vnam*

Điều lệ được lập thành 05 bản gốc có giá trị như nhau, trong đó:

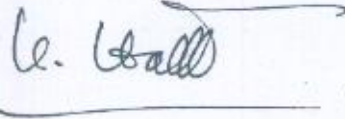
- 01 bản nộp tại phòng đăng ký kinh doanh, sở Kế hoạch đầu tư - tỉnh Thanh Hoá
 - 04 bản lưu tại văn phòng Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 2/3 tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

Điều 48. Chữ ký

**CHỮ KÝ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THANH HOÁ.
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Sỹ Huy

THÀNH VIÊN



Lê Trọng Nam

THÀNH VIÊN



Vũ Thế Lập

BẢN SAO



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Sỹ Huy

